TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUẬN CHÂU** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2017/HSST.
Ngày: 19-12-2017.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN CHÂU, TỈNH SƠN LA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lường Thị Hương;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Văn Quốc;

Bà Lý Thị Vinh;

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Lương Văn Dục - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La .

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu tỉnh Sơn La tham gia phiên toà: Ông Hoàng Minh Quốc - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 23/2017/HSST ngày 15 tháng 11 năm 2017, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2017/HSST – QĐ, ngày 8 tháng 12 năm 2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Q; tên gọi khác: Không; sinh năm: 1974; tại huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ; nơi cư trú: Khu X, xã PX, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ; trình độ văn hoá: 7/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Nguyễn Văn S, sinh năm: 1937; con bà: Nguyễn Thị T, sinh năm: 1940; bị cáo có chồng: Nguyễn Đức H; sinh năm: 1964 và 2 con, lớn 17 tuổi, nhỏ 15 tuổi; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ tạm giam từ ngày 23-7-2017 cho đến nay có mặt tại phiên toà.

Người bị hại: Lò Thị B; Sinh năm: 1958;

Địa chỉ: bản N, xã TM, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.(Vắng mặt tại phiên tòa có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 05 giờ ngày 23-7-2017, Nguyễn Thị Q và Phạm Thị T (Q là em chồng của T), cùng trú tại: Khu X, xã PX, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, điều khiển xe mô tô mang BKS: 19G1 - 208.71 (do T điều khiển) đi từ Thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La theo đường Quốc lộ 6A lên thành phố Điện Biên phủ, tỉnh Điện Biên để tìm

mua thuốc nam chữa bệnh cho Q (Q bị u nang buồng trứng). Đến khoảng 06 giờ cùng ngày, Q và T đi đến địa phận tiểu khu A, Thị trấn T, Thuận Châu, tỉnh Sơn La thì thấy bà Lò Thị B, trú tại: bản Ng, xã TM, huyện Thuận Châu đang gánh một đôi sọt tre đựng quả bưởi và quả bí ngô đi bộ cùng chiều. T dừng xe để Q xuống hỏi mua quả bưởi. T đưa cho Q 01 tờ tiền mệnh giá 500.000đ, Q cầm tiền và ra hỏi mua hai quả bưởi của bà B với giá 5.000đ/ 01 quả. Sau đó Q đã đưa tờ tiền 500.000đ cho bà B. Bà B cầm tiền Q đưa, đồng thời mở túi vải đựng tiền đeo phía trước bụng và lấy tập tiền 3.600.000đ đều là loại tiền mệnh giá 200.000đ trong ví ra để trả lại tiền thừa cho Q. Thấy số tiền trong ví của bà B, Q đã nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền trong ví của bà B, nên khi bà B đang đếm tiền, Q đã dùng tay phải giật lấy toàn bộ số tiền bà B đang cầm trên tay. Thấy vậy, bà B đã túm lấy áo của Q và giằng co với Q để lấy lại số tiền Qn vừa giật. Đồng thời hô hoán người dân xung quanh đến giúp. Quá trình giằng co Q đã giật được lại tờ tiền 500.000đ Q đưa cho bà B và 1 tờ tiền 200.000đ của bà B. Trong lúc giằng co Q đã làm bà B bị thương, chảy máu tại kẽ ngón tay số 4 và ngón tay số 5 bàn tay phải. Sau khi giật được số tiền 700.000đ,Q đi ra chỗ T dừng xe chờ và đưa tiền cho T cầm rồi bảo T điều khiển xe đi. Cùng lúc đó bà B và có anh Lường Văn C, trú tại bản NL, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La (nhà anh C cách khoảng 30 mét) đến giữ lại và điện báo Công an huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La đến lập biên bản bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang đối với Nguyễn Thị Q. Đồng thời dẫn giải PhạmThị T, Nguyễn Thị Q về Công an huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La để giải quyết theo quy định của pháp luật. Đồng thời thu giữ vật chứng gồm:

Thu giữ của Phạm Thị T các vật chứng sau:

- Tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam: 960.000đ thu giữ tại quần bên trái đằng trước đang mặc.

- Một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu LV II đã qua sử dụng.

- Một chiếc xe máy mang BKS: 19G1 - 208.71.

- Tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam: 1.750.000đ (thu giữ trong cốp xe mô tô 19G1 - 208.71).

- Một đăng ký xe mô tô BKS: 19G1 - 208.71 mang tên Nguyễn Minh P (thu giữ trong cốp xe mô tô 19G1 - 208.71).

- Một giấy phép lái xe mô tô mang tên Phạm Thị T(thu giữ trong cốp xe mô tô 19G1 - 208.71).

- Một giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc của xe mô tô BKS: 19G1 - 208.71(thu giữ trong cốp xe mô tô 19G1 - 208.71).

Thu giữ của Nguyễn Thị Q một chiếc điện thoại di động mầu đen, nhãn hiệu Nokia.

Tạm giữ của người bị hại Lò Thị B số tiền 3.400.000đ (Ba triệu bốn trăm nghìn đồng).

Ngày 24-7-2017, Cơ quan CSĐT Công an huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La đã ra Quyết định trưng cầu giám định số: 219/TCGĐ trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La yêu cầu giám định đối với số tiền 6.110.000đ tạm giữ của Phạm Thị T và Lò Thị B.

Tại Kết luận giám định số: 462/KLGĐ, ngày 26-7-2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận: "Số tiền 6.110.000đ có số mã hiệu ghi trong Biên bản mở niêm phong và giao nhận đối tượng giám định lập ngày 26-7-2017 là tiền thật".

Ngày 8-8-2017 Cơ quan CSĐT Công an huyện Thuận Châu ra quyết định trưng cầu giám định số: 236/TCGĐ ngày 8-8-2017 trưng cầu đề nghị Trung tâm pháp y tỉnh Sơn La giám định tỷ lệ phần trăm thương tích của bà Lò Thị B do quá trình giằng co với Nguyễn Thị Q gây ra. Tuy nhiên đến ngày 10-8-2017 bà Lò Thị B đã có đơn từ chối giám định thương tích do vậy không xác định được tỷ lệ phần trăm thương tích của Lò Thị B.

Về bồi thường dân sự: Sau khi bị thương tích do quá trình giằng co với Nguyễn Thị Q, người bị hại Lò Thị B có đề nghị Nguyễn Thị Q bồi thường tiền viện phí, tổn hại sức khỏe.....với tổng số tiền là 20.000.000đ. Ngày 10-8-2017 đại diện gia đình của Nguyễn Thị Q là ông Nguyễn Đức Hg (chồng của Q) đã bồi thường số tiền trên cho bị hại Lò Thị B, bà B đã nhận đủ số tiền 20.000.000đ và không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại bản cáo trạng số: 169/KSĐT, ngày 15-11-2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Q về tội: Cướp giật tài sản, theo khoản 1 Điều 136 BLHS.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La trong phần tranh luận vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Thị Q về điều, khoản và tội danh trên.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Q phạm tội: Cướp giật tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 136; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 BLHS:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Q mức án từ 15 đến 18 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 đến 38 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 19-12-2017).

Giao bị cáo cho UBND nơi cư trú của bị cáo giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng khoản 4 Điều 227 BLTTHS: Tuyên trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Nguyễn Thị Q, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo Nguyễn Thị Q.

Áp dụng Điều 42 BLHS và Điều 76 BLTTHS: Tuyên trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Q: 01 chiếc điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu NOKIA, đã qua sử dụng, số IMEI 1: 358902078199184, kèm theo 01 sim điện thoại số thuê bao: 0971602033.

Về bồi thường dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa người bị hại và gia đình bị cáo Nguyễn Thị Q đã tự nguyên bồi thường tiền viện phí, tổn hại sức khỏe.....với tổng số tiền là 20.000.000^{đ}. Ngày 10-8-2017 đại diện gia đình của Nguyễn Thị Q là ông Nguyễn Đức H (Chồng của Q) đã bồi thường số tiền trên cho bị hại Lò Thị B, bà Bđã nhận đủ số tiền 20.000.000^{đ} và không có yêu cầu bồi thường gì thêm. Do vậy vấn đề bồi thường dân sự không đặt ra giải quyết.

Bị cáo Nguyễn Thị Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của bị Nguyễn Thị Q: Nhất trí như lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo đã nhận thức rõ về hành vi phạm tội của mình xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt mức thấp nhất trong khung hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo. Đề nghị miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

Ý kiến của người bị hại: Gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường tiền viện phí, tổn hại sức khỏe.....với tổng số tiền là 20.000.000^{đ}, người bị hại đã nhận đủ số tiền trên nên không yêu cầu bồi thường gì thêm. Về hình phạt xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ :

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều là hợp pháp.

[2]. Về nội dung vụ án: Ngày 23-7-2017, Nguyễn Thị Q, trú tại: Khu X, xã PX, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ đã có hành vi cướp giật số tiền 3.600.000^{đ} của bà Lò Thị B; trú tại: Bản N, xã TM, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Tài sản đã được thu hồi và trả lại cho người bị hại.

[3]. Căn cứ lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa ngày hôm nay, hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo, của người bị hại tại cơ quan điều tra, Biên bản bắt người phạm tội quả tang và các tài liệu khác có trong hồ sơ. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Trên cơ sở đó có đầy đủ điều kiện, đủ căn cứ kết luận bị cáo Nguyễn Thị Q phạm tội: Cướp giật tài sản. Vi phạm khoản 1 Điều 136 BLHS. Như quyết định truy tố và quan điểm luận tội của Viện kiểm sát nhân dân

huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La tại phiên tòa là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tại khoản 1, khoản 5 Điều 136 BLHS quy định:

"1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ một năm đến năm năm.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng".

[4]. Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thị Q nhanh chóng giật lấy tài sản của người khác một cách công khai rồi tìm cách tẩu thoát, mục đích nhằm chiếm đoạt tài sản và đã chiếm đoạt tài sản với số lượng tài sản chiếm đoạt không lớn, tài sản đã được thu hồi và trả lại cho người bị hại. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm sở hữu, gây thiệt hại đến lợi ích kinh tế, tinh thần của bị hại. Là hành vi nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Cần vận dụng khoản 1 điều 136 BLHS, có mức án phạt tù từ một năm đến năm năm đối với bị cáo.

[5]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[6]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên toà bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Sau khi phạm tội bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại, tích cực tự nguyện khắc phúc toàn bộ hậu quả cho người bị hại. Đây là những tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo được quy định tại điểm b, điểm p khoản 1 điều 46 BLHS. Bản thân bị cáo là phụ nữ, thường xuyên ốm đau bệnh tật, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo được quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS. Xét đơn đề nghị xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Thị Q, có xác nhận của chính quyền địa phương nơi bị cáo đang cư trú và lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị cho bị cáo được hưởng mức án phạt tù nhưng cho hưởng án treo. Nay Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân, có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 46 BLHS. Do vậy có đủ điều kiện để được hưởng án treo, cân được chấp nhận. Không cần cách ly bị cáo ra ngoài xã hội cũng đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung, thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng đối với người phạm tội. Cần giao bị cáo cho UBND nơi cư trú phối hợp với gia đình bị cáo trực tiếp giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách án treo. Vận dụng khoản 1, khoản 2 Điều 60 BLHS. Cần lên một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, mới đảm bảo tính chất nghiêm minh của pháp luật giáo dục và phòng ngừa chung.

[7]. Bị cáo Nguyễn Thị Q đang bị tạm giam, xét thấy bị cáo được xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo nên cần tuyên bố trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác. Vận dụng khoản 4 Điều 227 BLTTHS.

[8]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Bộ luật Hình sự quy định "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng", căn cứ vào điều khiện thực tế của gia đình bị cáo, do đó HĐXX xét thấy cần áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Thị Q. Vận dụng khoản 2 Điều 30, khoản 3 Điều 60, khoản 5 Điều 136 BLHS.

[9]. Đối với Phạm Thị T là người đi cùng Nguyễn Thị Q. Quá trình điều tra đã xác định được T không được bàn bạc thống nhất với Q từ trước, việc cướp giật tài sản của bà B do một mình Q thực hiện, T không tham gia cùng, đồng thời khi Q đưa tiền cho T thì T không biết số tiền 200.000^{đ} do Q đưa cho là tiền do Q cướp giật được của bà B mà có. Người bị hại bà Lò Thị B cũng thừa nhận không ai nhìn thấy việc Q cướp giật tài sản của bà. Do đó không có căn cứ để xử lý Phạm Thị T về hành vi Cướp giật tài sản với vai trò đồng phạm với Nguyễn Thị Q.

[10]. Đối với thương tích của Lò Thị B do quá trình giằng co với Nguyễn Thị Q gây nên. Quá trình điều tra đã xác định được trong lúc giằng co thì Q không dùng hung khí hay có hành vi hành hung hoặc có hành vi cố ý gây thương tích cho bà B để nhanh chóng tẩu thoát, nên không có căn cứ để xử lý Nguyễn Thị Q về hành vi Hành hung để tẩu thoát quy định tại điểm đ, khoản 2, Điều 136 BLHS.

[11]. Đối với một chiếc xe và giấy tờ xe mô tô mang BKS: 19G1 - 208.71 thu giữ của Phạm Thị T. Quá trình điều tra xác định được chiếc xe mô tô trên là của anh Nguyễn Minh P, trú tại Khu X, PX, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ (là chồng của Phạm Thị Tp). Việc Qn cướp giật tài sản của bà Lò Thị B, anh P không biết, xe có giấy tờ hợp lệ, anh P có đơn xin lại xe. Do vậy Cơ quan CSĐT Công an huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La đã trả lại chiếc xe máy trên và giấy tờ xe cho chủ sở hữu hợp pháp là có căn cứ đúng pháp luật.

[12]. Đối với số tiền 2.010.000^{đ}; một chiếc điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu LV 11 và một giấy phép lái xe mô tô mang tên Phạm Thị T. Quá trình điều tra đã xác định được những vật chứng trên là của Phạm Thị T không liên quan gì đến hành vi phạm tội của Nguyễn Thị Q. Do vậy Cơ quan CSĐT Công an huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La đã trả lại các vật chứng trên cho Phạm Thị Tlà có căn cứ.

[13]. Đối với số tiền 3.600.000^{đ} mà Nguyễn Thị Q cướp giật của bà Lò Thị B nhưng sau đó đã bị bà B giằng lại được và số tiền 200.000^{đ} (Nguyễn Thị Qu đã cướp giật được của bà Lò Thị B). Quá trình điều tra đã xác định được số tiền trên là của Lò Thị B. Do vậy Cơ quan CSĐT Công an huyện Thuận Châu đã trả lại sô trên trên cho Lò Thị Bua là có căn cứ.

[14]. Đối với tờ tiền 500.000^{đ} Công an thu giữ là tiền Q dùng để mua quả bưởi của bà Lò Thị B và đã cướp giật lại được trong quá trình giằng co với bà B. Quá trình điều tra xác định tờ tiền trên là của Phạm Thị T đưa cho Qn để mua bưởi, việc Q dùng tiền để mua bưởi và thực hiện tội phạm Phạm Thị T không biết. Do vậy cơ quan điều tra Công an huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La đã trả lại cho Phạm Thị T là có căn cứ, đúng pháp luật.

[15]. Về vật chứng vụ án: Một chiếc điện thoại di động mầu đen, nhãn hiệu Nokia thu giữ của Nguyễn Thị Q xét không liên quan đến vụ án, cần tuyên trả lại cho bị cáo. Vận dụng Điều 42 BLHS và Điều 76 BLTTHS

[16]. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị Q phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định chung của Nhà nước. Vận dụng Điều 99 BLTTHS và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14; Ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Q phạm tội: Cướp giật tài sản.

1.Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 136; điểm b, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, khoản 1, khoản 2 Điều 60 BLHS:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Q 15 (mười lăm) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng. Thời hạn thử thách tình từ ngày tuyên án sơ thẩm (là ngày 19-12-2017).

Giao bị cáo Nguyễn Thị Q cho UBND xã PX, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ giám sát và giáo dục bị cáo. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã PX, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Áp dụng khoản 4 Điều 227 BLTTHS: Tuyên trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Nguyễn Thị Q, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự**.**

2. Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 136, khoản 2 Điều 30, khoản 3 Điều 60 BLHS: Buộc bị cáo Nguyễn Thị Q phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền là: 3.000.000^{đ} (ba triệu đồng).

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 42 BLHS và Điều 76 BLTTHS: Tuyên trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Q: 01 chiếc điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu NOKIA, đã qua sử dụng, số IMEI 1: 358902078199184, kèm theo 01 sim điện thoại số thuê bao: 0971602033.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 99 BLTTH và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14**;** Ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Thị Q phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000^{đ} (Hai trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 231, Điều 234 BLTTHS: Bị cáo Nguyễn Thị Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại Lò Thị B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án theo thủ tục hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND (02);
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- CA huyện;
- THA hình sự;
- Chi cục THADS;
- UBND xã;
- Người bị hại;
- Bị cáo;
- Lưu Hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Lường Thị Hương